

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ ONE**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ ONE**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
5. Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	6 - 9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	11 - 12
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	13 - 35



THÔNG TIN CHUNG**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Công nghệ One (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100233174 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 07 tháng 7 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn, thiết kế, cung cấp và thi công lắp đặt các thiết bị điện tử viễn thông, tin học, các hệ thống điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ...; sản xuất điện thành phẩm.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (024) 3976 5086
- Fax : (024) 3976 5123

Đơn vị trực thuộc:

Công ty chỉ có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh đặt tại địa chỉ số 62 đường Nguyễn Duy Hiệu, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lư Hồng Chiêu	Chủ tịch	
Ông Đặng Anh Phương	Phó Chủ tịch	
Ông Hoàng Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2026
Ông Nguyễn Hà Thanh	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2026
Ông Đinh Quang Thái	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2026
Ông Lê Thăng Long	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2026
Ông Đinh Ngọc Lân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2026
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Bình Minh	Trưởng ban
Bà Đoàn Thu Hằng	Thành viên
Bà Đỗ Liên Hương	Thành viên

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đặng Anh Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Lư Hồng Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2026
Ông Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Ngọc Lân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Hải	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2026
Ông La Thanh Cần	Giám đốc Chi nhánh	
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Anh Phương - Tổng Giám đốc. Từ ngày 7 tháng 7 năm 2026, Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Ông Đặng Anh Phương - Tổng Giám đốc và Ông Lư Hồng Chiêu - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Công nghệ One (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Đặng Anh Phương

Ngày 21 tháng 8 năm 2026

Số: 2.0563/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ One (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ One tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		538.814.846.373	338.273.321.140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	49.246.991.828	51.038.525.395
1. Tiền	111		49.246.991.828	33.225.177.704
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	17.813.347.691
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.731.542.674	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	44.731.542.674	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		367.365.315.599	222.260.400.739
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	161.258.399.748	254.224.534.589
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	226.584.908.538	3.680.185.416
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	7.512.664.711	6.367.656.397
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(27.990.657.398)	(42.011.975.663)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	72.320.668.571	64.483.631.629
1. Hàng tồn kho	141		73.981.512.490	66.144.475.548
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.660.843.919)	(1.660.843.919)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		5.150.327.701	490.763.377
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	3.103.709.256	153.304.691
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		1.592.378.737	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.12	454.239.708	337.458.686
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.245.593.837	9.722.830.526
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		115.600.000	108.100.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	115.600.000	108.100.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.496.731.327	9.424.999.998
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	8.496.731.327	9.424.999.998
- Nguyên giá	222		25.219.459.054	25.307.263.395
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.722.727.727)	(15.882.263.397)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		4.633.262.510	189.730.528
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	4.633.262.510	189.730.528
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		552.060.440.210	347.996.151.666

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		436.846.479.837	242.609.147.123
I. Nợ ngắn hạn	310		430.071.369.669	241.334.463.576
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	80.070.951.388	160.474.538.284
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	199.105.533.975	13.912.772.455
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		4.100.824.550	4.100.824.550
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.12	2.951.479.954	2.621.711.057
5. Phải trả người lao động	315		405.217.614	599.847.496
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.13	3.418.170.843	5.440.524.710
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.14	4.627.322.059	4.565.717.646
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15	1.245.413.538	1.209.466.032
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.16a	133.852.591.033	48.293.390.227
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	293.864.715	115.671.119
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.775.110.168	1.274.683.547
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.14	6.456.439.279	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.16b	318.670.889	1.274.683.547
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	115.213.960.373	105.387.004.543
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		79.603.100.000	79.603.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		79.603.100.000	79.603.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		569.520.609	569.520.609
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.716.846.282	5.548.535.177
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(330.903.170)	(330.903.170)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.217.877.737	8.217.877.737
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.437.518.915	11.778.874.190
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		10.780.749.489	11.778.874.190
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		10.656.769.426	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		552.060.440.210	347.996.151.666

Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Phạm Thị Ngọc Mai

Nguyễn Thị Minh Nguyệt



Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	199.376.788.307	103.380.555.557
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		199.376.788.307	103.380.555.557
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	187.301.288.914	89.135.760.618
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.075.499.393	14.244.794.939
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	1.328.646.551	197.410.296
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	2.850.735.235	1.230.149.289
Trong đó: chi phí đi vay	24		2.819.925.732	741.595.756
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.127.261.653	1.404.640.552
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(3.894.734.358)	11.114.191.117
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.320.883.414	693.224.277
12. Thu nhập khác	31	VI.7	578.542.876	1.613.111
13. Chi phí khác	32	VI.8	305.729.202	29.913.016
14. Lợi nhuận khác	40		272.813.674	(28.299.905)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.593.697.088	664.924.372
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	2.936.927.662	189.995.137
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.656.769.426</u>	<u>474.929.235</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.350</u>	<u>60</u>
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>1.350</u>	<u>60</u>

Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Phạm Thị Ngọc Mai

Nguyễn Thị Minh Nguyệt



Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.593.697.088	664.924.372
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	981.963.115	1.092.965.123
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	(14.021.318.265)	2.388.765.101
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	26.634.006	228.457.805
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3	(781.465.962)	(500.000)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	2.819.925.732	741.595.756
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.619.435.714	5.116.208.157
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(132.812.310.398)	68.886.145.129
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.837.036.942)	6.891.600.316
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		107.829.263.037	(57.051.823.183)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(7.393.936.547)	186.508.112
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(2.303.930.103)	(972.195.950)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(1.841.007.821)	(228.850.888)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(651.620.000)	(294.844.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(42.391.143.060)	22.532.747.693
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(53.694.444)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(44.442.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		491.923.288	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.003.771.156)	500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135, phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16a	161.835.367.897	17.632.409.435
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a	(77.232.179.749)	(94.388.720.420)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		84.603.188.148	(76.756.310.985)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.791.726.068)	(54.223.063.292)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	51.038.525.395	76.029.793.987
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		192.501	148.693
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	49.246.991.828	21.806.879.388

Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Phạm Thị Ngọc Mai

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ One (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn, thiết kế, cung cấp và thi công lắp đặt các thiết bị điện tử viễn thông, tin học, các hệ thống điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ...; sản xuất điện thành phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, doanh thu của Công ty tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do Công ty phát sinh doanh thu từ hoạt động bán 03 máy chính hãng Caterpillar, ký hiệu 3516C, công suất 2.525 kW, với tổng giá trị 111.105.000.000 VND.

6. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc

Công ty chỉ có 01 đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ One, địa chỉ tại số 62 đường Nguyễn Duy Hiệu, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

7. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 78 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 69 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

9. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán "ONE" theo Quyết định số 210/QĐ-TTGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2008 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 6 năm 2008. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 7.960.310 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc được phân cấp lập Báo cáo tài chính. Các giao dịch nội bộ, số dư nội bộ giữa Trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc, giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu là chi phí gói dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng, được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng gói dịch vụ.

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	07

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả Cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

11. Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán về dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu chờ phân bổ không bao gồm các khoản tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các khoản doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, toàn bộ số tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, giá trị thực tế cổ phiếu mua lại được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính bằng cách ghi số âm để ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp mua lại với mục đích hủy bỏ ngay lập tức, giá trị được ghi giảm trực tiếp vào vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn. Khi tái phát hành, trị giá vốn cổ phiếu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá vốn bình quân được ghi vào thặng dư vốn.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả Cổ tức như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban điều hành, Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp và lắp đặt thiết bị viễn thông được thực hiện toàn bộ trong lãnh thổ Việt Nam. Ban điều hành nhận định Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	138.378.674	124.045.767
Tiền gửi không kỳ hạn	49.108.613.154	33.101.131.937
Ngân hàng TMCP Tiên phong	806.479.733	5.496.918.116
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	5.063.793.282	9.840.830.025
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	6.394.777.290	9.885.085.794
Ngân hàng TMCP Quân đội	36.740.553.216	7.751.331.143
Các ngân hàng khác	103.009.633	126.966.859
Tương đương tiền	-	17.813.347.691
Ngân hàng TMCP Quân đội - Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	-	17.696.040.000
Lãi dự thu của tương đương tiền	-	117.307.691
Cộng	49.246.991.828	51.038.525.395

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội, có giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc và lãi cuối kỳ. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	44.442.000.000	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	289.542.674	-	-	-
Cộng	44.731.542.674	-	-	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	52.314.771.612	-	83.092.456.607	-
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	11.830.578.228	-	73.475.709.768	-
Công ty TNHH Samjin Việt Nam	35.275.804.288	(17.440.495.688)	35.275.804.288	(16.095.164.443)
Các khách hàng khác	61.837.245.620	(9.695.419.151)	62.380.563.926	(25.062.068.661)
Cộng	161.258.399.748	(27.135.914.839)	254.224.534.589	(41.157.233.104)

Trong đó, số dư phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 5.730.204.000 VND (Số đầu năm: 136.444.724.825 VND) được dùng để đảm bảo tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.16a).

Lý do trích lập/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Xem Thuyết minh V.6.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Almight Marine and Engineering Pte.LTD (ALM) (*)	113.860.197.238	-	-	-
Sandav Busines Solutions Pte Ltd (*)	78.670.819.225	-	-	-
Các khách hàng khác	34.053.892.075	(180.265.949)	3.680.185.416	(180.265.949)
Cộng	226.584.908.538	(180.265.949)	3.680.185.416	(180.265.949)

(*) Khoản ứng trước theo các hợp đồng mua hàng hóa để bán cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà và Công ty TNHH Một thành viên 189 (Xem thuyết minh số V.11).

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.159.618.138	-	794.008.419	-
Ông Đặng Anh Phương - Các khoản chi hộ	699.618.138	-	794.008.419	-
Ông La Thanh Cần - Tạm ứng	1.460.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.353.046.573	(674.476.610)	5.573.647.978	(674.476.610)
Tạm ứng cho nhân viên khác	1.413.317.071	-	1.740.177.071	-
Ký cược, ký quỹ	3.196.619.982	-	3.099.181.545	-
Vật tư, hàng hóa cho mượn	735.409.520	(674.476.610)	726.589.362	(674.476.610)
Các khoản khác	7.700.000	-	7.700.000	-
Cộng	7.512.664.711	(674.476.610)	6.367.656.397	(674.476.610)

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu về ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

Là các khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Phải thu về tiền bán hàng	27.135.914.840	(27.135.914.839)	42.520.884.630	(41.157.233.104)
Công ty TNHH Samjin Việt Nam	17.440.495.689	(17.440.495.688)	17.440.495.689	(16.095.164.443)
Sở Y tế Thanh Hóa	-	-	10.969.112.000	(10.969.112.000)
Sở Thông tin và Truyền thông Hải Dương	4.929.600.000	(4.929.600.000)	4.929.600.000	(4.929.600.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô	462.000.000	(462.000.000)	4.206.680.218	(4.206.680.218)
Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang	1.678.977.999	(1.678.977.999)	2.350.155.571	(2.350.155.571)
Các khách hàng khác	2.624.841.152	(2.624.841.152)	2.624.841.152	(2.606.520.872)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu về tiền trả trước cho người bán</i>	180.265.949	(180.265.949)	180.265.949	(180.265.949)
<i>Phải thu tiền vật tư, hàng hóa cho mượn</i>	674.476.610	(674.476.610)	674.476.610	(674.476.610)
Cộng	27.990.657.399	(27.990.657.398)	43.375.627.189	(42.011.975.663)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	42.011.975.663	32.978.959.164
Trích lập dự phòng bổ sung	1.363.651.525	2.388.765.101
Hoàn nhập dự phòng	(15.384.969.790)	-
Số cuối kỳ	27.990.657.398	35.367.724.265

Trong kỳ, Công ty tiếp tục trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản phải thu Công ty TNHH Samjin Việt Nam theo thời gian quá hạn của khoản công nợ. Đồng thời, Công ty đã hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu đã thu hồi được công nợ trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.908.228.191	-	53.856.643.830	-
Trong đó:				
<i>Công trình bệnh viện Việt Đức (*)</i>	11.463.087.150	-	11.463.087.150	-
<i>Công trình bệnh viện Bạch Mai (*)</i>	5.083.258.468	-	5.083.258.468	-
<i>Các công trình khác</i>	39.361.882.573	-	37.310.298.212	-
Hàng hóa	18.073.284.299	(1.660.843.919)	12.287.831.718	(1.660.843.919)
Cộng	73.981.512.490	(1.660.843.919)	66.144.475.548	(1.660.843.919)

(*) Đến thời điểm hiện tại, hàng hóa đã được bàn giao và lắp đặt hoàn thành tại cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện Việt Đức. Tuy nhiên, chủ đầu tư đang chờ các quyết định, hướng dẫn mới của Chính phủ liên quan đến công tác nghiệm thu, thanh toán. Công ty đang tiếp tục theo dõi và phối hợp với các bên liên quan để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục nghiệm thu, quyết toán.

Tại thời điểm cuối kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng với số tiền là 7.109.239.165 VND.

8. Chi phí chờ phân bổ

8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí gói dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	3.051.468.821	-
Các chi phí khác	52.240.435	153.304.691
Cộng	3.103.709.256	153.304.691

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí gói dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	4.237.800.716	-
Các chi phí khác	395.461.794	189.730.528
Cộng	4.633.262.510	189.730.528

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.850.000.000	13.688.500.000	4.783.094.461	1.985.668.934	25.307.263.395
Mua trong kỳ	-	-	-	53.694.444	53.694.444
Tiêu hủy	-	-	-	(141.498.785)	(141.498.785)
Số cuối kỳ	4.850.000.000	13.688.500.000	4.783.094.461	1.897.864.593	25.219.459.054
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	3.783.094.461	1.711.570.149	5.494.664.610
Chờ thanh lý	-	38.500.000	-	132.600.000	171.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	2.505.833.333	7.091.000.000	4.299.761.130	1.985.668.934	15.882.263.397
Khấu hao trong kỳ	242.500.000	682.500.000	50.000.000	6.963.115	981.963.115
Tiêu hủy	-	-	-	(141.498.785)	(141.498.785)
Số cuối kỳ	2.748.333.333	7.773.500.000	4.349.761.130	1.851.133.264	16.722.727.727
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.344.166.667	6.597.500.000	483.333.331	-	9.424.999.998
Số cuối kỳ	2.101.666.667	5.915.000.000	433.333.331	46.731.329	8.496.731.327
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống điện mặt trời	19.500.000.000	(11.050.000.002)	8.449.999.998
Tài sản cố định hữu hình khác	5.719.459.054	(5.672.727.725)	46.731.329
Cộng	25.219.459.054	(16.722.727.727)	8.496.731.327

Chi tiết các tài sản cố định hữu hình đã tiêu hủy trong kỳ như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Máy vi tính IBM Thinkpad	30.476.250	(30.476.250)	-
Máy vi tính IBM Thinkpad	31.998.890	(31.998.890)	-
Alcatel48PORT,GIGABIT-EUCORD(OS6450-48-EU)	30.073.645	(30.073.645)	-
Thiết bị kiểm tra mạng LANLRAT-2000+bộ phát và dò tín hiệu MT-8200-63A	48.950.000	(48.950.000)	-
Cộng	141.498.785	(141.498.785)	-

Tài sản cố định hữu hình được dùng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.449.999.998 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

10a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nokia Solutions and Networks OY	9.905.688.400	48.379.055.388
Sandav Busines Solutions Pte Ltd	7.367.037.049	46.661.493.294
Juniper Networks International B.V.	-	14.304.456.798
Kingsway Dynamic Pte.Ltd (KSW)	8.831.302.917	8.858.674.566
Inverfuture International Pte (Ivf)	7.753.315.476	905.872.960
Các nhà cung cấp khác	46.213.607.546	41.364.985.278
Cộng	80.070.951.388	160.474.538.284

10b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Hồng Hà	68.568.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên 189	47.835.495.840	-
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	32.511.318.015	-
Các khách hàng khác	50.190.720.120	13.912.772.455
Cộng	199.105.533.975	13.912.772.455

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	750.875.233	-	975.925.994	(1.837.316.526)	-	110.515.299
Thuế xuất, nhập khẩu	-	296.056.043	1.711.861	(1.711.861)	-	296.056.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.848.486.688	-	2.936.927.662	(1.841.007.821)	2.944.406.529	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.349.136	41.402.643	37.180.347	(58.721.781)	7.073.425	47.668.366
Thuế nhà thầu	-	-	2.579.358.303	(2.579.358.303)	-	-
Cộng	2.621.711.057	337.458.686	6.531.104.167	(6.318.116.292)	2.951.479.954	454.239.708

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm : Không chịu thuế
- Tổng đài điện thoại, cáp quang, máy in, dây cáp mạng... : 8% và 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.593.697.088	664.924.372
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.064.866.424	285.051.313
• Các khoản điều chỉnh tăng khác	1.064.866.424	285.051.313
• Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	14.658.563.512	949.975.685
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.931.712.702	189.995.137
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	5.214.960	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.936.927.662	189.995.137

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	732.500.000	250.000.000
Thù lao HĐQT, BKS	732.500.000	250.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.685.670.843	5.190.524.710
Lãi vay phải trả	872.232.871	356.237.242
Chi phí sản xuất kinh doanh	1.813.437.972	4.834.287.468
Cộng	3.418.170.843	5.440.524.710

14. Doanh thu chờ phân bổ

14a. Doanh thu chờ phân bổ

Là các khoản tiền khách hàng trả trước về dịch vụ bảo trì, bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật. Chi tiết:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Công nghệ Thông tin Điện lực Miền Trung - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	10.928.621.436	4.173.935.813
Các khách hàng khác	155.139.902	391.781.833
Cộng	11.083.761.338	4.565.717.646
Trong đó: Ngắn hạn	4.627.322.059	4.565.717.646
Dài hạn	6.456.439.279	-

14b. Hợp đồng có khả năng không thực hiện được

Công ty không có hợp đồng nào được xác định là có khả năng không thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.219.263.538	1.103.916.288
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	26.150.000	105.549.744
Cộng	1.245.413.538	1.209.466.032

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay bên liên quan	500.000.000	500.000.000
Bà Nguyễn Thị Chinh ^(v)	500.000.000	500.000.000
Vay Ngân hàng	104.170.565.717	42.111.364.911
Ngân hàng TMCP Quân đội ⁽ⁱ⁾	68.869.919.472	39.167.387.411
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	31.717.704.215	2.943.977.500
Ngân hàng TMCP Tiên Phong ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.582.942.030	-
Vay tổ chức khác ^(iv)	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay các cá nhân khác ^(v)	26.270.000.000	2.770.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.16b)	1.912.025.316	1.912.025.316
Cộng	133.852.591.033	48.293.390.227

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng, hạn mức tín dụng 500.000.000.000 VND (trong đó hạn mức cho vay là 150.000.000.000 VND), thời hạn duy trì hạn mức đến 10/7/2026, mục đích để phục vụ hoạt động kinh doanh phần mềm, cung cấp, lắp đặt thiết bị điện tử viễn thông, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng cung cấp hàng hóa cho khách hàng.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng, hạn mức tín dụng tối đa 150.000.000.000 VND (trong đó hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND) để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn khoản vay tối đa là 6 tháng, lãi suất vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng cung cấp hàng hóa cho khách hàng.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng, hạn mức tín dụng tối đa 100.000.000.000 VND (trong đó hạn mức cho vay là 45.000.000.000 VND) để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn khoản vay tối đa là 8 tháng, lãi suất vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng cung cấp hàng hóa cho khách hàng.
- (iv) Vay tín chấp Công ty Cổ phần Công nghệ NK để bổ sung nguồn vốn thực hiện dự án Union Square – Giai đoạn II gói thầu thi công hệ thống điện nhẹ cho khu khách sạn với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2023. Khoản vay được gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2026 theo Phụ lục số 03 ngày 11 tháng 7 năm 2026.
- (v) Vay tín chấp cá nhân không có thời hạn, lãi suất 10%/năm. Mục đích là nhập vật tư phục vụ cho việc thực hiện các hợp đồng với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay bên liên quan	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn tổ chức	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	500.000.000	42.111.364.911	1.000.000.000	2.770.000.000	1.912.025.316	48.293.390.227
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	133.185.367.899	-	28.649.999.998	-	161.835.367.897
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	-	-	956.012.658	956.012.658
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(71.126.167.093)	-	(5.149.999.998)	(956.012.658)	(77.232.179.749)
Cộng	500.000.000	104.170.565.717	1.000.000.000	26.270.000.000	1.912.025.316	133.852.591.033

16b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/4530353/HĐTD ngày 30/6/2022 với lãi suất vay cố định 6,9%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày đầu tháng 1 và tháng 7 hàng năm. Thời hạn vay từ 30/6/2022 đến hết ngày 14/8/2027, mục đích đầu tư Dự án trang trại trồng nấm rơm công nghệ cao kết hợp điện mặt trời mái nhà nông - quang điện One – Thuận An. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thuộc Dự án Điện mặt trời áp mái của Công ty (Xem thuyết minh số V.9) và tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ 3 (Xem thuyết minh số VII.1a).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.912.025.316	1.912.025.316
Trên 1 năm đến 5 năm	318.670.889	1.274.683.547
Cộng	2.230.696.205	3.186.708.863

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.274.683.547	3.186.708.863
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(956.012.658)	(956.012.658)
Số cuối kỳ	318.670.889	2.230.696.205

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	115.671.119	509.137.804
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	829.813.596	127.833.315
Chi quỹ	(651.620.000)	(294.844.000)
Số cuối kỳ	293.864.715	342.127.119

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu năm	Lợi nhuận trong kỳ	Trích lập các quỹ trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Kỳ trước				
Vốn góp của chủ sở hữu	79.603.100.000	-	-	79.603.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	569.520.609	-	-	569.520.609
Vốn khác của chủ sở hữu	5.484.618.519	-	63.916.658	5.548.535.177
Cổ phiếu quỹ	(330.903.170)	-	-	(330.903.170)
Quỹ đầu tư phát triển	8.217.877.737	-	-	8.217.877.737
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.604.402.062	474.929.235	(191.749.973)	8.887.581.324
Cộng	102.148.615.757	474.929.235	(127.833.315)	102.495.711.677
Kỳ này				
Vốn góp của chủ sở hữu	79.603.100.000	-	-	79.603.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	569.520.609	-	-	569.520.609
Vốn khác của chủ sở hữu	5.548.535.177	-	168.311.105	5.716.846.282
Cổ phiếu quỹ	(330.903.170)	-	-	(330.903.170)
Quỹ đầu tư phát triển	8.217.877.737	-	-	8.217.877.737
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.778.874.190	10.656.769.426	(998.124.701)	21.437.518.915
Cộng	105.387.004.543	10.656.769.426	(829.813.596)	115.213.960.373

18b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.960.310	7.960.310
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	66.652	66.652
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.893.658	7.893.658

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

	VND
• Trích quỹ dự trữ vốn điều lệ	: 168.311.105
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 829.813.596

19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

19a. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Bên nhận cầm cố, thế chấp
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (xem Thuyết minh số V.3)			
Phải thu khách hàng	2.234.200.000	62.969.015.057	Ngân hàng TMCP Quân đội
Phải thu khách hàng	-	73.475.709.768	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam
Phải thu khách hàng	3.496.004.000	-	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Cộng	5.730.204.000	136.444.724.825	
Hàng tồn kho (xem Thuyết minh số V.7)	7.109.239.165	-	Ngân hàng TMCP Quân đội
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9)	8.449.999.998	9.424.999.998	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền của Công ty bao gồm 1.883,65 USD (Số đầu năm: 2.028,97 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu của các hợp đồng cung cấp hàng hóa kèm dịch vụ lắp đặt	194.517.814.710	98.059.834.590
Doanh thu bán điện thành phẩm	1.746.068.030	1.695.495.787
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.112.905.567	3.625.225.180
Cộng	199.376.788.307	103.380.555.557

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của các hợp đồng cung cấp hàng hóa kèm dịch vụ lắp đặt	184.471.579.700	87.854.713.356
Giá vốn bán điện thành phẩm	1.048.055.239	1.056.756.509
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.781.653.975	224.290.753
Cộng	187.301.288.914	89.135.760.618

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	781.465.962	8.429.087
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền	159.638.713	18.505.119
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	387.541.876	170.476.090
Cộng	1.328.646.551	197.410.296

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	2.819.925.732	741.595.756
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.175.497	260.095.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	26.634.006	228.457.805
Cộng	2.850.735.235	1.230.149.289

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.600.000	8.864.000
Chi phí vật liệu, bao bì	771.000	866.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	69.712.120	41.419.910
Chi phí bảo hành	52.661.333	462.491.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài	668.706.118	761.793.266
Các chi phí khác	333.811.082	129.206.243
Cộng	1.127.261.653	1.404.640.552

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.540.058.253	5.262.321.258
Chi phí vật liệu quản lý	28.497.000	32.142.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	178.222.936	262.497.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.433.252	117.965.123
Thuế, phí và lệ phí	112.851.952	67.463.237
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(14.021.318.265)	2.388.765.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.334.333.284	1.413.099.882
Các chi phí khác	2.925.187.230	1.569.936.810
Cộng	(3.894.734.358)	11.114.191.117

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	500.000
Lãi thanh lý, nhượng bán công cụ, dụng cụ	900.000	1.111.111
Lãi chậm thanh toán	482.973.512	-
Tiền thưởng bán hàng	94.662.216	-
Thu nhập khác	7.148	2.000
Cộng	578.542.876	1.613.111

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán công cụ, dụng cụ	9.090.909	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	130.495.845	26.778.620
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.200.192	3.134.396
Phạt vi phạm hành chính	37.109.182	-
Phí thi hành án	126.829.612	-
Chi phí khác	3.462	-
Cộng	305.729.202	29.913.016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.656.769.426	474.929.235
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.656.769.426	474.929.235
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	7.893.658	7.893.658
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.350	60

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	180.196.095.640	74.637.080.665
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.268.000	240.429.289
Chi phí nhân công	7.518.311.889	7.695.840.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.433.252	1.092.965.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.145.037.789	3.329.888.858
Chi phí dự phòng	(14.021.318.265)	2.388.765.101
Chi phí khác	6.735.572.265	5.378.022.905
Chênh lệch tăng/giảm hàng tồn kho (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang)	(2.051.584.361)	6.891.600.316
Cộng	184.533.816.209	101.654.592.287

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch thu hoàn tạm ứng, thu tiền chi hộ với các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài ra, Công ty phát sinh giao dịch lãi vay phải trả cho bà Nguyễn Thị Chính – Cá nhân có liên quan của thành viên quản lý chủ chốt, số tiền là 25.000.000 VND (cùng kỳ năm trước: 25.000.000 VND).

Cam kết bảo lãnh

Ông Đặng Anh Phương dùng Quyền sử dụng đất của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh (xem thuyết minh số V.16b).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài ra, Ông Đặng Anh Phương còn dùng bất động sản thuộc sở hữu của Bà Đinh Thị Chiến và Bà Tạ Thị Kim Lan để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các Thuyết minh số V.5a, V.13 và V.16a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao (*)	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Ông Lư Hồng Chiêu	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 13/5/2026)	17.500.000	-	80.000.000	97.500.000
Ông Đặng Anh Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	300.000.000	1.000.000	80.000.000	381.000.000
Ông Hoàng Hà	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	210.000.000	1.000.000	20.000.000	231.000.000
Ông Nguyễn Hà Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Đinh Quang Thái	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Vũ Bình Minh	Trưởng ban kiểm soát	-	-	10.000.000	10.000.000
Bà Đoàn Thu Hằng	Thành viên ban kiểm soát	-	-	10.000.000	10.000.000
Bà Đỗ Liên Hương	Thành viên ban kiểm soát	-	-	10.000.000	10.000.000
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	210.000.000	1.000.000	-	211.000.000
Ông La Thanh Cần	Giám đốc Chi nhánh	196.200.000	1.000.000	-	197.200.000
Ông Đinh Ngọc Lân	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 13/5/2026)	52.500.000	-	-	52.500.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Giám đốc Tài chính (Từ ngày 13/5/2026)	52.500.000	-	-	52.500.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	199.800.000	1.000.000	-	200.800.000
Cộng		1.238.500.000	5.000.000	250.000.000	1.493.500.000
Kỳ trước					
Ông Lư Hồng Chiêu	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	30.000.000	-	-	30.000.000
Ông Đặng Anh Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	300.000.000	1.000.000	-	301.000.000
Ông Hoàng Hà	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	210.000.000	1.000.000	-	211.000.000
Ông Nguyễn Hà Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	-	-
Ông Đinh Quang Thái	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	-	-
Ông Vũ Bình Minh	Trưởng ban kiểm soát	-	-	-	-
Bà Đoàn Thu Hằng	Thành viên ban kiểm soát	-	-	-	-
Bà Đỗ Liên Hương	Thành viên ban kiểm soát	-	-	-	-
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	210.000.000	1.000.000	-	211.000.000
Ông La Thanh Cần	Giám đốc Chi nhánh	196.200.000	1.000.000	-	197.200.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	199.800.000	1.000.000	-	200.800.000
Cộng		1.146.000.000	5.000.000	-	1.151.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Trong kỳ, Công ty đã chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 số tiền 250.000.000 VND.

Ngoài ra, Công ty đang tạm trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số tiền 732.500.000 VND (*Xem thuyết minh số V.13*).

2. Số liệu so sánh

Áp dụng quy định của chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, Công ty áp dụng Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Một số số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Tiền và các khoản tương đương tiền	112	17.696.040.000	117.307.691	17.813.347.691	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	135	6.484.964.088	(117.307.691)	6.367.656.397	
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	4.100.824.550	4.100.824.550	(ii)
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.310.290.582	(4.100.824.550)	1.209.466.032	

- (i) Trình bày lại các khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền”.
- (ii) Trình bày lại khoản phải trả về lợi nhuận cho chủ sở hữu từ chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Phải trả cổ tức, lợi nhuận”.

3. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh IV.5 và V.6);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh IV.6 và V.7);
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh IV.8 và V.9);

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Phạm Thị Ngọc Mai

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Đặng Anh Phương

